

CÔNG KHAI THỰC HIỆN SỬ DỤNG THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học Chi Lăng công khai tình hình sử dụng thu-chi ngân sách quý 1 năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.807.683.000	1.032.593.796		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				

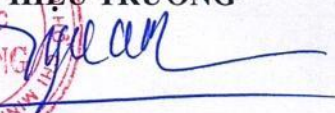
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.807.683.000	1.032.593.796		
3.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	3.728.482.000	885.570.988	23,8%	
3.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	3.079.201.000	147.022.808	4,8%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Quý 1 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý 1 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Fan Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2024

 **HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Minh Quân

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2024

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)	:	3.747.158.537	đồng
+ Năm trước chuyển sang		18.676.537	đồng
+ Giao đầu năm	:	3.728.482.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 14)	:	3.559.313.197	đồng
+ Năm trước chuyển sang		575.199.197	
+ Giao đầu năm	:	2.984.114.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	:	95.087.000	đồng
+ Năm trước chuyển sang		-	
+ Giao đầu năm	:	95.087.000	đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN Quý 1 năm 2024

I. Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)	:	885.570.988	đồng
- Lương	:	474.636.644	đồng
- Phụ cấp	:	201.814.326	đồng
- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ	:	100.407.036	đồng
- Thanh toán dịch vụ công cộng		32.748.935	đồng
- Vật tư văn phòng	:	2.110.448	đồng
- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	:	3.617.599	đồng
- Công tác phí	:	1.500.000	đồng
- Chi phí thuê mướn	:	7.300.000	đồng
- Chi hoạt động chuyên môn	:	918.000	đồng
- Chi khác	:	60.518.000	đồng
II. Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 14)	:	147.022.808	đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND	:	-	đồng
- Chi chênh lệch do tăng mức lương cơ bản theo quy định	:	147.022.808	đồng
III. Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	:	-	đồng

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN Quý 1 là : 1.032.593.796 đồng, đạt 14% dự toán năm và so với cùng kỳ năm trước .
- Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13) Quý 1 là : 885.570.988 đồng, đạt 24% dự toán năm và 113% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :
 - + Do tăng lương, tăng thâm niên.
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 14) Quý 1 là 147.022.808 đồng, đạt 4% dự toán năm và 0% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :
- Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12) Quý 1 là : 0 đồng, đạt 0% so với dự toán năm .

Kế toán



Nguyễn Thị Kim Tình

Tân Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quân